

Số: **795** /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày **28** tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch Phát triển kinh tế biển tỉnh Trà Vinh
giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030,
tầm nhìn đến năm 2045

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Chương trình số 21-CTr/TU ngày 11/11/2021 của Tỉnh ủy Trà Vinh về phát triển kinh tế biển tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài Nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 138/TTr-STNMT ngày 11/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Phát triển kinh tế biển tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu VT, NN. 03

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quỳnh Thiện



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

**Phát triển kinh tế biển tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025
và định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

*(Kèm theo Quyết định số: **795/QĐ-UBND**
ngày **28/4/2022** của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ được đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình số 21-CTr/TU ngày 11/11/2021 của Tỉnh ủy Trà Vinh về phát triển kinh tế biển tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới và tăng cường tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; lấy kinh tế biển và Khu Kinh tế Định An làm nền tảng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trên cơ sở đó, quy hoạch, xác định mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và phân định lộ trình thực hiện cụ thể nhằm khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, đưa tỉnh Trà Vinh trở thành một trong những tỉnh trọng điểm phát triển kinh tế biển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long; khắc phục tốt tình trạng ô nhiễm môi trường, tình trạng sạt lở bờ biển và biển xâm thực; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển; phát triển Khu Kinh tế Định An, huy động các nguồn lực đầu tư, xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng, gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển giáo dục – đào tạo, văn hóa - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

2. Yêu cầu

2.1. Quán triệt sâu sắc, nhận thức đầy đủ và toàn diện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình số 21-CTr/TU ngày 11/11/2021 của Tỉnh ủy Trà Vinh về phát triển kinh tế biển giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2.2. Tập trung phát triển kinh tế biển của tỉnh theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.3. Ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế biển; tạo sự chuyên biến tích cực trong khai thác, sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn tài nguyên vùng biển, ven biển và các xã đảo; bảo đảm tính khả thi trong huy động và sử dụng các nguồn lực, phù hợp tình hình thực tế của địa phương.

3. Mục tiêu cụ thể

3.1. Tổng giá trị sản xuất của các huyện, thị xã ven biển đóng góp khoảng 70% - 75% giá trị sản xuất của toàn tỉnh; thu nhập bình quân đầu người gấp 1,2 lần so với thu nhập bình quân chung của tỉnh.

3.2. Đến năm 2025 giá trị tăng thêm ngành thủy sản tăng trưởng bình quân 5%/năm; sản lượng thủy sản đạt khoảng 300.000 tấn/năm (trong đó nuôi trồng 200.000 tấn, khai thác 100.000 tấn).

3.3. Phát triển và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch, phấn đấu du lịch biển tăng trưởng bình quân hàng năm 15%, đến năm 2025 chiếm 10% tỷ trọng của toàn ngành.

3.4. Các xã đảo có hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản đầy đủ, đặc biệt là điện, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục, giao thông, thủy lợi; các xã ven biển giữ vững nông thôn mới và xây dựng nông thôn mới nâng cao.

3.5. Thị xã Duyên Hải hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới nâng cao, đạt các tiêu chí đô thị loại III; thị trấn Cầu Ngang đạt tiêu chí đô thị loại IV; các huyện: Trà Cú, Cầu Ngang, Duyên Hải đạt tiêu chí huyện Nông thôn mới trước năm 2025.

3.6. Phấn đấu khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế năng lượng tái tạo với tổng công suất khoảng 46.500 MW, trong đó:

- Điện gió: Công suất 33.787 MW (giai đoạn 2021 - 2030 là 4.587 MW, giai đoạn 2031 - 2045 là 29.200 MW);

- Điện mặt trời: Công suất 7.587 MW (giai đoạn 2021 - 2025 là 4.587 MW, giai đoạn 2026 - 2045 là 3.000 MW);

- Điện khí: Công suất 5.000 MW (giai đoạn 2021 - 2030 là 2.000 MW, giai đoạn 2031 - 2045 là 3.000 MW).

- Điện sinh khối: Công suất 110 MW (giai đoạn 2031 - 2035);

- Điện rác: Công suất 21,13 MW (giai đoạn 2031 - 2035).

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ trọng tâm

Triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá Chương trình số 30-CTr/TU, ngày 26/12/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045; Chương trình số 21-CTr/TU ngày 11/11/2021 của Tỉnh ủy Trà Vinh về phát triển kinh tế biển tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong 05 năm tới (2021-2025), tập trung phát triển Khu Kinh tế Định An và một số nhiệm vụ mang tính chiến lược:

1.1. Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới: Phát triển năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) trên vùng biển của tỉnh phục vụ sản xuất, sinh hoạt, bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát huy tối đa tiềm năng sử dụng đất bãi bồi ven biển; đẩy mạnh công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư phát triển điện gió, điện mặt trời gắn với bảo vệ môi trường, phát triển rừng và du lịch sinh thái biển, ven biển.

1.2. Công nghiệp biển: Phát triển ngành công nghiệp đóng và sửa chữa tàu, cơ khí chế tạo, công nghiệp chế biến, công nghiệp phụ trợ. Chú trọng thu hút các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường, công nghiệp nền tảng, công nghệ nguồn,... Thu hút đầu tư các dự án trọng điểm về hạ tầng giao thông ven biển, sản xuất, thương mại - dịch vụ; đẩy mạnh xúc tiến, kêu gọi đầu tư phát triển công nghiệp, khuyến khích đầu tư các ngành công nghiệp có lợi thế về nguồn nguyên liệu, lợi thế cạnh tranh, nhất là công nghiệp chế biến hàng nông, thủy sản xuất khẩu.

1.3. Nuôi trồng, chế biến và khai thác thủy sản: Chuyển đổi các mô hình nuôi trồng thủy sản quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu sang nuôi công nghiệp, quy mô lớn với công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường; có liên kết từ khâu sản xuất, bảo quản, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm,... Hỗ trợ, hướng dẫn nông dân, ngư dân vùng ven biển tham gia sản xuất theo chuỗi giá trị và các chương trình phát triển sinh kế bền vững; đào tạo, chuyển đổi nghề cho ngư dân; đẩy mạnh liên kết sản xuất theo hình thức tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thu hút các doanh nghiệp tham gia khai thác xa bờ; đầu tư nâng cấp và khai thác có hiệu quả các cảng cá, bến cá, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão trên địa bàn tỉnh; tổ chức tốt dịch vụ hậu cần nghề cá, hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá trên biển. Khuyến khích, thu hút đầu tư, nhất là hình thức hợp tác công tư trong lĩnh vực thủy sản như: Nuôi trồng, khai thác, chế biến, bảo quản, xuất khẩu hải sản, hiện đại hóa hệ thống hậu cần nghề cá.

1.4. Du lịch biển: Nghiên cứu phát triển các loại hình du lịch mới; tăng cường mối liên kết giữa các điểm du lịch trên địa bàn tỉnh; kết nối, hình thành các tua du lịch, nghỉ dưỡng kết hợp với các loại hình vui chơi giải trí, thi đấu thể thao,... Xúc tiến quảng bá du lịch, đa dạng hóa các sản phẩm, chuỗi sản phẩm trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy giá trị di sản thiên nhiên, văn hóa, lịch sử đặc sắc của ba dân tộc Kinh - Hoa - Khmer trên địa bàn tỉnh, tạo sự phát triển đột phá cho ngành du lịch, hấp dẫn du khách trong và ngoài nước đến tham quan, du lịch tại các vùng cửa sông, ven biển của tỉnh.

1.5. Hoàn thiện một số hạng mục kết cấu hạ tầng quan trọng về kinh tế biển và logistics; phát triển giao thông vận tải biển: Tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ đẩy nhanh đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng Khu kinh tế Định An nhằm tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các nhà đầu tư; thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; giải quyết tốt vấn đề về môi trường, xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế biển, vùng ven biển.

1.6. Đẩy mạnh phát triển giáo dục, tiếp tục đầu tư cho đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển:

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào phát triển kinh tế biển; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ mới (đặc biệt là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ cao, công nghệ đánh bắt, bảo quản, chế biến thủy, hải sản...).

- Hỗ trợ, hướng dẫn xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực, đảm

bảo tiêu chuẩn xuất khẩu. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển nhân lực, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và công nghiệp 4.0; nâng cao chất lượng đào tạo, công tác đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực biển chất lượng cao phục vụ cho phát triển các ngành kinh tế biển và chuyển đổi nghề của người dân ven biển. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, thu hút nhân tài, từng bước hình thành đội ngũ cán bộ có chuyên môn sâu về biển.

1.7. Bảo đảm hài hòa phát triển kinh tế biển với quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu:

- Tập trung xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trên vùng biển. Tăng cường khả năng hiệp đồng, phối hợp giữa các lực lượng; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong tình hình mới; đào tạo nhân lực, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật và tăng cường khả năng hiệp đồng, tác chiến của các lực lượng tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và các quyền lợi chính đáng, hợp pháp của đất nước. Xây dựng lực lượng công an, quân sự, biên phòng khu vực ven biển vững mạnh, làm nòng cốt bảo vệ chủ quyền, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội vùng biển. Tiếp tục tuyên truyền bảo vệ chủ quyền và phát triển bền vững biển đảo Việt Nam theo Quyết định số 930/QĐ-TTg ngày 28/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ; nâng cao năng lực hoạt động của các lực lượng làm nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn của tỉnh; bảo đảm an ninh, an toàn cho dân cư, người lao động và các hoạt động kinh tế khu vực biển. Tăng cường tuần tra, kiểm soát bảo vệ vững chắc chủ quyền vùng biển, cửa sông, giám sát hoạt động nghề cá. Quản lý nghiêm các hoạt động xuất nhập cảnh. Xử lý tốt các vấn đề về an ninh trật tự, an ninh tôn giáo. Phòng ngừa và đấu tranh hiệu quả với các loại tội phạm ma túy, mua bán người, buôn lậu,... trên vùng biển và ven biển của tỉnh.

- Cập nhật, hoàn thiện kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh nhằm nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai; xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai, phương án ứng phó thiên tai phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh và theo phương châm “bốn tại chỗ”, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiệt hại thiên tai. Phát huy trách nhiệm và huy động cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh tích cực tham gia phòng, chống thiên tai; xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách chuyển đổi nghề, tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư tại các khu vực ven biển. Sẵn sàng các phương án di dân ở những vùng có nguy cơ khi có tình huống xảy ra; triển khai các biện pháp phòng, chống biển xâm thực, xói lở bờ biển, ngập lụt, xâm nhập mặn... Đầu tư xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo tự động về chất lượng môi trường biển, ứng phó có hiệu quả các vấn đề về ô nhiễm, sự cố môi trường biển gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội.

2. Các giải pháp phát triển kinh tế biển

2.1. Tăng cường công tác tuyên truyền: Nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về tầm quan trọng của kinh tế biển, xác định phát triển kinh tế biển là động lực quan trọng và là nhiệm vụ của hệ thống chính trị, từng bước thay đổi tư duy của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu các đơn vị, địa phương về bản chất và xu thế phát triển kinh tế biển theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh

khóa XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình số 30-CTr/TU, ngày 26/12/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Quyết định số 467/QĐ-TTg, ngày 18/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, Chương trình số 21-CTr/TU ngày 11/11/2021 của Tỉnh ủy Trà Vinh về phát triển kinh tế biển tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh.

2.2. Rà soát, điều chỉnh và xây dựng đồng bộ các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế biển

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh được ban hành kèm theo Quyết định số 3746/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND tỉnh;

- Tập trung xây dựng Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó, tích hợp cụ thể các tiềm năng, lợi thế của tỉnh; rà soát, triển khai quy hoạch Khu Kinh tế Định An, đẩy mạnh thu hút đầu tư các ngành nghề theo quy hoạch, hoàn thành đưa vào sử dụng bến cảng tổng hợp Định An và các công trình hạ tầng giao thông, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Quản lý chặt chẽ kế hoạch sử dụng đất ven biển và vùng biển ven bờ của tỉnh khi giao cho tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên biển để phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch ngành, lĩnh vực nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan Trung ương quy hoạch không gian biển quốc gia vào quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ trên địa bàn tỉnh, tạo cơ sở pháp lý để huy động các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế biển, ven biển, từng bước hình thành các đô thị ven biển.

2.3. Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh, triển khai thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới và tăng cường tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh.

2.4. Tập trung phát triển khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản, phát triển kinh tế biển và ven biển:

- Tăng cường bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản, nhất là các loài thủy sản đang có nguy cơ tuyệt chủng; đẩy mạnh khai thác thủy sản ở những vùng biển xa bờ, gắn khai thác bền vững với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; hiện đại hóa công tác quản lý tàu cá theo hướng bền vững, hiệu quả và có trách nhiệm, bảo quản sản phẩm sau khai thác với công nghệ tiên tiến để thúc đẩy phát triển kinh tế biển.

- Nâng cấp và mở rộng dịch vụ Cảng cá Định An; khôi phục Làng nghề chế biến thủy sản Mỹ Long (huyện Cầu Ngang) và Đông Hải (huyện Duyên Hải). Thành lập, phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã hậu cần nghề cá trên biển để thu mua, tiêu thụ, chế biến hải sản theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao chất lượng, tăng giá trị hải sản đánh bắt, đồng thời cung cấp hậu cần thiết yếu giúp các đội tàu bám biển dài ngày. Đồng thời, xúc tiến kêu gọi đầu tư các dự án nhà máy chế biến thủy sản ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, tiến tới phát triển công nghiệp chế biến, hoàn thiện chuỗi giá trị thủy sản.

- Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đưa vào quy hoạch các cảng cá mới loại II, loại III kết hợp gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu và phát triển chợ đầu mối hải sản và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; chuyên đổi công năng Cảng cá Láng Chim.

- Rà soát diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh, phát triển diện tích nuôi trồng thủy sản ven biển theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; lựa chọn các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của tỉnh, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, trong đó tập trung vào các đối tượng nuôi thủy sản chủ lực của tỉnh. Phấn đấu đến năm 2025 có 15.000 ha diện tích nuôi thâm canh và bán thâm canh theo hướng sạch có kiểm chứng và có chỉ dẫn địa lý; trong đó, có 1.100 ha nuôi công nghiệp ứng dụng công nghệ cao đối với tôm sú và tôm thẻ chân trắng, cua, các loài nhuyễn thể....

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về con giống, thức ăn thủy sản, thuốc, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; quản lý thời vụ, môi trường... Tổ chức tuyên truyền, tập huấn hướng dẫn kỹ thuật nuôi, hạn chế rủi ro, nâng cao chất lượng, sản lượng sản phẩm sạch đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Huy động các nguồn lực, kêu gọi đầu tư, hoàn thiện các hạng mục hạ tầng quan trọng Khu Kinh tế Định An, phát triển các Khu công nghiệp ven biển trên địa bàn tỉnh. Kêu gọi đầu tư Bến cảng Trà Cú, Bến cảng tổng hợp Định An, khuyến khích đầu tư phát triển các đội tàu vận tải biển phục vụ vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu gắn với phát triển ngành công nghiệp đóng tàu trong Khu Kinh tế Định An, phát triển các đô thị mới ven biển.

2.5. Đẩy mạnh phát triển du lịch, thương mại - dịch vụ:

- Tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị (khóa XII) về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng, phát triển các ngành dịch vụ và du lịch biển; tăng cường hợp tác, liên kết phát triển du lịch, phát huy giá trị di sản văn hóa, lịch sử để thu hút du khách; xây dựng văn hóa ẩm thực mang tính đặc thù của 03 dân tộc Kinh, Hoa, Khmer của tỉnh.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thuận lợi để người dân ven biển chuyển đổi nghề, trực tiếp tham gia, hưởng lợi từ hoạt động du lịch.

2.6. Bảo vệ môi trường, bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học biển, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

- Tiếp tục lồng ghép nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các địa phương và của tỉnh, triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, phòng tránh thiên tai, đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của Nhà nước và Nhân dân. Chuyển đổi cơ cấu sản xuất phù hợp với tình hình biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường của các dự án phát triển kinh tế biển; xây dựng các tiêu chí, yêu cầu đối với các dự án đầu tư có nguy cơ ô nhiễm môi trường khu vực ven biển, bảo đảm phòng ngừa, ngăn chặn không để xảy ra các sự cố ô nhiễm môi trường. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, tiết kiệm năng lượng trong phát triển kinh tế biển của tỉnh... Mở rộng hợp tác quốc tế và đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi các hệ sinh thái trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, bảo đảm tính toàn vẹn và mối quan hệ tự nhiên của hệ sinh thái đất liền và biển.

- Thực hiện đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển trên địa bàn tỉnh.

2.7. Xây dựng văn hóa biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển

- Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức công đồng về biển và đại dương, xây dựng lối sống, hành vi văn hóa gắn bó, thân thiện với biển. Bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống văn hóa người dân vùng biển, nhất là lễ nghi, tín ngưỡng, thói quen, kinh nghiệm thích nghi với môi trường biển, văn hóa ẩm thực, văn hóa đánh bắt và bảo vệ môi trường biển, bảo vệ đa dạng sinh học biển, bảo đảm quyền tiếp cận, tham gia, hưởng lợi và trách nhiệm của người dân với biển một cách công bằng, bình đẳng.

- Lồng ghép, triển khai giáo dục, nâng cao nhận thức, kiến thức, hiểu biết về biển, đại dương, khả năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng, tránh thiên tai cho học sinh, sinh viên trong tất cả các cấp học, bậc học.

2.8. Tập trung giải quyết việc làm, nâng cao đời sống nhân dân, phát triển nguồn nhân lực

- Đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là điện, nước ngọt, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục, đảm bảo người dân sinh sống, làm việc tại các xã đảo, vùng ven biển của tỉnh được tiếp cận và sử dụng dịch vụ y tế có chất lượng, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho người dân vùng biển, xã đảo; trang bị kiến thức cho người dân vùng biển, xã đảo để có thể tự bảo vệ sức khỏe, biết tự sơ cấp cứu và đưa người bị nạn đến các cơ sở y tế an toàn, thực hiện đầy đủ các quy định

quốc tế về đảm bảo y tế cho hoạt động trên biển.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn để giải quyết việc làm cho lao động vùng ven biển, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo, phấn đấu thu nhập bình quân đầu người của lao động vùng ven biển cao hơn thu nhập bình quân chung của tỉnh.

- Tăng cường đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực, đồng bộ ngành nghề theo từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế biển, chú trọng nguồn nhân lực cho các ngành logistics, hải quan, môi trường, nuôi trồng, chế biến và khai thác thủy sản, cơ khí,...Nâng cao chất lượng đào tạo lao động có kỹ năng nghề phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế biển, vùng ven biển của các địa phương.

2.9. Bảo đảm quốc phòng, an ninh; công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế

- Rà soát phương án phát triển mạng lưới hạ tầng quốc phòng; biên phòng, an ninh khu vực biển vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức, xây dựng các tổ đội khai thác thủy sản và phương án, kế hoạch bảo vệ chủ quyền vùng biển, bảo đảm an ninh, trật tự thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

- Chủ động hội nhập, tăng cường quan hệ đối ngoại, tích cực tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế trong quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên biển. Tranh thủ sự hỗ trợ của đối tác, hỗ trợ, đầu tư phát triển hạ tầng, nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học công nghệ và bảo tồn sinh thái biển, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

(Đính kèm Phụ lục các nhiệm vụ phát triển kinh tế biển tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan trong huy động, đa dạng hóa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế biển tỉnh Trà Vinh.

2. Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí ngân sách theo khả năng cân đối của địa phương hàng năm để thực hiện các nội dung trong Kế hoạch theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ hàng năm (trước ngày 15/11) tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp, hướng dẫn các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch này. Theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện; đồng thời, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch, các sở, ngành, địa phương gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục
CÁC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN TỈNH TRÀ VINH, GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Quyết định số: **795/QĐ-UBND** ngày **28/4/2022** của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)



STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện
I	TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN		
01	Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, chủ trương, Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ và phát triển kinh tế biển trên địa bàn tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố	Hàng năm
II	RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH VÀ XÂY DỰNG ĐỒNG BỘ CÁC QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN		
02	Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2020 - 2022
03	Triển khai quy hoạch đồng bộ Khu Kinh tế Định An; đẩy mạnh thu hút đầu tư các ngành nghề theo quy hoạch; thu hút doanh nghiệp đầu tư cho việc đào tạo cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cho khu kinh tế với đa dạng ngành nghề, trình độ; sớm hoàn thành đưa vào sử dụng bến cảng tổng hợp Định An và các công trình hạ tầng giao thông.	Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh	Hàng năm
04	Rà soát quy hoạch và thực hiện quy hoạch đối với các khu chức năng trong Khu Kinh tế Định An theo quy hoạch chung phê duyệt.	Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh	Hàng năm
05	Xây dựng Đề án phát triển kinh tế biển tỉnh Trà Vinh phát triển bền vững đến năm 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2021 - 2022
06	Phối hợp với các cơ quan Trung ương quy hoạch không gian biển quốc gia vào quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ trên địa bàn tỉnh, tạo cơ sở pháp lý để huy động các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế biển, ven biển, từng bước hình thành các đô thị ven biển.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2021 và các năm tiếp theo

07	Triển khai thực hiện đồng bộ Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh. Rà soát, bổ sung quy hoạch các dự án điện mặt trời và các dự án điện gió ngoài khơi; đồng thời, đầu tư hạ tầng truyền tải điện, phấn đấu đến năm 2025 Trà Vinh trở thành một trong những trung tâm năng lượng của vùng.	Sở Công Thương	Hàng năm
08	Tăng cường kêu gọi đầu tư phát triển công nghiệp biển như: sửa chữa đóng tàu, cơ khí chế tạo, công nghiệp chế biến và công nghiệp phụ trợ.	Sở Công Thương	Hàng năm
09	Rà soát nhu cầu lao động trong Khu kinh tế Định An và các công trình, dự án lớn thuộc phạm vi quản lý của đơn vị để đáp ứng nhu cầu lao động chất lượng của doanh nghiệp, góp phần thu hút đầu tư.	Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh	Hàng năm
III	TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN KHAI THÁC, NUÔI TRỒNG VÀ CHẾ BIẾN THỦY SẢN, PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN VÀ VEN BIỂN		
10	Đẩy mạnh khai thác thủy sản ở những vùng biển xa bờ, gắn khai thác bền vững với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản. Từng bước hiện đại hóa công tác quản lý tàu cá, công tác bảo quản sản phẩm sau khai thác với công nghệ tiên tiến để thúc đẩy phát triển kinh tế biển. Tăng cường bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản, nhất là các loài thủy sản đang có nguy cơ tuyệt chủng. Thực hiện tốt, hoạt động quản lý nghề cá khu vực biển tỉnh Trà Vinh theo hướng bền vững, hiệu quả và có trách nhiệm. Đẩy mạnh tập huấn, tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc và phù hợp với quy định quốc tế.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hàng năm
11	Đầu tư nâng cấp và nâng cao hiệu quả đánh bắt xa bờ; thành lập tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hậu cần nghề cá; nâng cấp và mở rộng dịch vụ Cảng cá Định An.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hàng năm
12	Khôi phục và phát triển Làng nghề chế biến thủy sản Mỹ Long (huyện Cầu Ngang) và Đông Hải (huyện Duyên Hải).	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hàng năm

13	Đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng, phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất các lĩnh vực khai thác, chế biến thủy sản và tiêu thụ. Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đưa vào quy hoạch các cảng cá mới loại II, loại III kết hợp gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu và phát triển chợ đầu mối hải sản và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; chuyển đổi công năng Cảng cá Láng Chim.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hàng năm
14	Rà soát lại diện tích nuôi trồng cá trong đất liền và vùng bãi bồi ven biển, phát triển nuôi trồng thủy sản ven biển theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó tập trung vào các đối tượng nuôi thủy sản có tiềm năng thế mạnh, khả năng cạnh tranh của tỉnh. Nghiên cứu nâng cao chất lượng tôm giống; củng cố, sắp xếp, khôi phục lại các hợp tác xã nuôi nghề hoạt động theo Luật Hợp tác xã.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hàng năm
15	Đầu tư hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển nuôi trồng thủy sản (hệ thống thủy lợi, điện, đường...).	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hàng năm
16	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về con giống, thức ăn thủy sản, thuốc, sản phẩm xử lý môi trường nuôi thủy sản; quản lý thời vụ, môi trường... Tổ chức tuyên truyền, tập huấn hướng dẫn kỹ thuật nuôi, hạn chế rủi ro, nâng cao chất lượng, sản lượng sản phẩm sạch đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hàng năm
17	Xúc tiến kêu gọi đầu tư các dự án nhà máy chế biến thủy sản ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, tiến tới phát triển công nghiệp chế biến, hoàn thiện chuỗi giá trị thủy sản. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, từng bước thâm nhập vào những thị trường mới, tiềm năng, khó tính; gia tăng kim ngạch xuất khẩu ở các thị trường truyền thống, bảo vệ lợi ích chính đáng cho ngư dân đánh bắt và người nuôi thủy sản.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hàng năm

18	Tập trung chuyên đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, có khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững; tập trung phát triển nông nghiệp hàng hóa, thích ứng biến đổi khí hậu, nông nghiệp công nghệ cao gắn với chế biến, tiêu thụ các sản phẩm có lợi thế, có giá trị gia tăng cao.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hàng năm
19	Tăng cường bảo vệ, chăm sóc và phát triển rừng để phòng, chống sạt lở; khuyến khích nhân dân trồng rừng sản xuất và trồng cây phân tán.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hàng năm
20	Tiếp tục giao đất, giao rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng sản xuất cho người dân đúng quy định.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Hàng năm
21	Huy động các nguồn lực, kêu gọi đầu tư, hoàn thiện các hạng mục hạ tầng quan trọng Khu Kinh tế Định An, phát triển các khu chức năng trong khu kinh tế như: khu phi thuế quan; khu công nghiệp Ngũ Lạc, Đôn Xuân – Đôn Châu, Định An; Khu dịch vụ công nghiệp Ngũ Lạc; Khu kho ngoại quan (logistic)...	Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh	Năm 2021 - 2030
22	Thực hiện giải phóng mặt bằng và đầu tư hoàn thành một số hạng mục kết cấu hạ tầng Khu dịch vụ công nghiệp Ngũ Lạc để thu hút đầu tư; phát triển dịch vụ logistics trên cơ sở phát triển cảng biển và Khu Kinh tế Định An.	Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh	Năm 2021 – 2025 và sau năm 2025
23	Tiếp tục kiến nghị Bộ Tài chính thành lập Chi cục Hải quan cửa khẩu Trà Vinh	Sở Tài chính	Năm 2022
24	Kêu gọi đầu tư cảng biển Trà Vinh với trọng tâm là cảng nước sâu, trở thành cửa ngõ biển để kết nối với các tỉnh của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, cả nước và thế giới	Sở Giao thông vận tải	Năm 2022 và các năm tiếp theo
25	Xây dựng tuyến đường hành lang ven biển trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, kết nối vùng ven biển với Bến Tre.	Sở Giao thông vận tải	Theo phân bổ vốn của Trung ương.

26	Kiến nghị Trung ương đầu tư tuyến cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng và tuyến cao tốc Hồng Ngự - Trà Vinh; tiếp tục kiến nghị Chính phủ xem xét bổ sung quy hoạch, khôi phục sân bay Long Toàn cho mục đích lưỡng dụng (dân sự và quốc phòng).	Sở Giao thông vận tải	Năm 2025 - 2030
27	Nghiên cứu, đề xuất ban hành chính sách đặc thù đối với Khu Kinh tế Định An để thu hút đầu tư, phục vụ phát triển kinh tế biển.	Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh	Năm 2021 - 2025
28	Khuyến khích khôi phục các cơ sở tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề truyền thống chế biến thủy - hải sản.	Sở Công Thương	Hàng năm
29	Kiến nghị Chính phủ đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng hệ thống logistics trên cả nước và tỉnh Trà Vinh; kêu gọi, thu hút đầu tư và tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp có năng lực về cảng biển và đầu tư hạ tầng; thúc đẩy hợp tác quốc tế trong phát triển kinh tế biển, đầu tư phát triển các công trình hạ tầng trọng điểm về kinh tế biển.	Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh	Hàng năm
30	Từng bước xây dựng 04 xã đảo huyện Duyên Hải thành trung tâm đô thị biển phía Tây Nam của Khu Kinh tế Định An.	UBND huyện Duyên Hải	Năm 2025 và các năm tiếp theo
31	Quy hoạch, xây dựng thị xã Duyên Hải đạt tiêu chí đô thị loại III hướng đến đô thị thông minh vào năm 2030, chú trọng các tiêu chí về quy mô diện tích và dân số để có kế hoạch đề xuất Quốc hội, Chính phủ điều chỉnh địa giới hành chính cấp huyện; nâng cấp xã Trường Long Hòa, xã Dân Thành lên phường; xã Ngũ Lạc lên đô thị loại V.	UBND thị xã Duyên Hải	Năm 2022 và các năm tiếp theo
32	Định hướng Quy hoạch đô thị, nông thôn và các chức năng trên địa bàn thuộc địa phương giáp biển đảm bảo phát triển đô thị, phát triển kinh tế biển	Sở Xây dựng	Hàng năm

33	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên trên biển và ven biển, nhất là việc khai thác tài nguyên nước, khoáng sản bảo đảm cân bằng sinh thái, ngăn ngừa xói lở, biển xâm thực.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Hàng năm
34	Tiến tới phát triển một số hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trên nguyên tắc khai thác khoáng sản tiết kiệm, hiệu quả.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Hàng năm
35	Kêu gọi đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng Bến cảng Trà Cú, Bến cảng tổng hợp Định An, khuyến khích đầu tư phát triển các đội tàu vận tải biển phục vụ vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu gắn với phát triển ngành công nghiệp đóng tàu trong Khu Kinh tế Định An, phát triển các đô thị mới ven biển.	Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh	Năm 2030
36	Đề xuất Chính phủ tiếp tục đưa một số dự án đầu tư phát triển năng lượng trên địa bàn tỉnh vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021- 2030 (Quy hoạch điện VIII) nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh về năng lượng tái tạo. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư hạ tầng truyền tải điện trên địa bàn tỉnh.	Sở Công Thương	Hàng năm
IV ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH, THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ			
37	Phát triển các ngành dịch vụ logistics và chuỗi cung ứng. Thu hút, kêu gọi đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật phục vụ logistics và chuỗi cung ứng; dự án hạ tầng kỹ thuật khu kho ngoại quan và khu phi thuế quan.	Sở Công Thương Sở Kế hoạch và Đầu tư Ban Quản lý Khu kinh tế	Hàng năm

38	<p>Phát triển các ngành dịch vụ và du lịch biển; phát triển các cụm tuyến du lịch trên sông Cỏ Chiên, từ thành phố Trà Vinh đến biển Ba Động; tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch; xúc tiến quảng bá du lịch, đa dạng hóa các sản phẩm, chuỗi sản phẩm... trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử; phát triển các tuyến, chuyển du lịch biển tham quan các địa điểm như: Tham quan rừng ngập mặn - các công trình điện gió, điện năng lượng, làng nghề cá; phát triển một số loại hình dịch vụ du lịch trên biển, du lịch cộng đồng; kêu gọi đầu tư tàu du lịch cao tốc tuyến Định An - Côn Đảo, tuyến Định An - Vũng Tàu. Tăng cường hợp tác, liên kết phát triển du lịch, phát huy giá trị di sản văn hóa, lịch sử để thu hút du khách; tổ chức các lễ hội tôn vinh văn hóa biển (lễ hội cúng biển Mỹ Long...) và xây dựng văn hóa ẩm thực mang tính đặc thù của 03 dân tộc Kinh, Khmer, Hoa của địa phương.</p>	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Hàng năm
V	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐA DẠNG SINH HỌC BIỂN, CHỦ ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU		
39	Đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Hàng năm
40	Xây dựng kịch bản biến đổi khí hậu và đề xuất các giải pháp tập trung chỉ đạo ứng phó, thích ứng kịp thời với tình huống xảy ra.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Hàng năm
41	Lồng ghép nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các địa phương và của tỉnh	Các sở, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố	Hàng năm
42	Tập trung đầu tư hoàn thành các hệ thống đê bao, hệ thống cống và hệ thống thủy lợi ngăn thủy triều, nước biển dâng, phòng, chống xói lở; kêu gọi đầu tư vào dự án hồ chứa nước mưa.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hàng năm

43	Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 177-KH/TU, ngày 01/10/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai nhằm chủ động ứng phó với các tác động bất lợi của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập úng, xói lở bờ sông, bờ biển...	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hàng năm
VI	TẬP TRUNG GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC		
44	Có chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng ven biển, giảm tỷ lệ thất nghiệp, hộ nghèo, phấn đấu thu nhập bình quân đầu người cao hơn thu nhập bình quân chung của tỉnh.	Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội	Hàng năm
45	Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn vùng ven biển	Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội	Hàng năm
46	Rà soát các ngành, nghề cần đào tạo ở các cấp trình độ từ sơ cấp đến cao đẳng phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế biển, vùng ven biển của các địa phương.	Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội	Hàng năm
47	Rà soát, đánh giá Đề án Quy hoạch nguồn nhân lực tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, xây dựng quy hoạch nguồn nhân lực tỉnh gắn với quy hoạch tổng thể tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2045 làm cơ sở xây dựng đề án đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế biển, giai đoạn 2021 - 2025;	Sở Nội vụ	Năm 2022 và các năm tiếp theo
48	Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, ưu tiên các ngành logistics, nuôi trồng, chế biến và khai thác thủy sản, môi trường, cơ khí, tự động hóa, cơ điện tử, thợ máy, thuyền trưởng... Tăng cường công tác đào tạo theo địa chỉ; đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý về chuyên môn như: Logistics, xuất nhập khẩu, hải quan, thuế, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng quản lý, điều hành...	Sở Nội vụ	Năm 2022 và các năm tiếp theo

49	Triển khai thực hiện các chế độ, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế biển giai đoạn 2021-2025 của tỉnh	Sở Nội vụ	Hàng năm
50	Rà soát, đánh giá cơ sở vật chất của các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện vùng ven biển để có kế hoạch đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo lao động có kỹ năng nghề phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế biển của địa phương.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2022
51	Đầu tư phát triển Trường Cao đẳng nghề Trà Vinh để đủ năng lực đào tạo các nghề phục vụ cho phát triển kinh tế biển	Trường Cao đẳng nghề Trà Vinh	Năm 2022
VII BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH; CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ			
52	Rà soát phương án phát triển mạng lưới hạ tầng quốc phòng; biên phòng, an ninh khu vực biển vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Năm 2021 - 2022
53	Tổ chức, xây dựng các tổ đội khai thác thủy sản và phương án, kế hoạch bảo vệ chủ quyền vùng biển, bảo đảm an ninh, trật tự thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác.	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Hàng năm
54	Tăng cường quan hệ đối ngoại, tích cực tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế trong quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên biển. Tranh thủ sự hỗ trợ của đối tác, hỗ trợ, đầu tư phát triển hạ tầng, nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học công nghệ và bảo tồn sinh thái biển, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Hàng năm
55	Phát huy các lợi thế về nguồn nhân lực và vai trò của Trường Đại học Trà Vinh và các trường Cao đẳng trên địa bàn tỉnh trong các hoạt động hợp tác giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ để thu hút đầu tư phát triển kinh tế biển; xây dựng Đề án đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ Chương trình phát triển kinh tế biển tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.	Trường Đại học Trà Vinh	Hàng năm